

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-PT
Ngày 30 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo Đặng Văn K, về tội “Phát hành trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn K**, sinh ngày 01/4/1958 tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T (đã chết) và bà Diễm Thị V, sinh năm 1932; bị cáo có vợ là Chu Thị N, sinh năm 1960; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phùng Văn H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn K là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại T (sau đây gọi là Công ty T) có trụ sở tại thôn B, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000952680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Đắc Lắc cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 20/01/2011. Công ty T kinh doanh xăng dầu và nông sản, phân bón các loại. Ngày 20/02/2017, Công ty T chuyển đổi từ Công ty TNHH hai thành viên thành Công ty TNHH một thành viên do ông Đặng Văn T (con trai của K) làm Giám đốc và đổi tên thành Công ty TNHH thương mại Y.

Ngày 01/8/2015, Đặng Văn K ký hợp đồng số 01/2015/TTP-TT với Công ty TNHH P (Công ty P), có trụ sở tại thôn M, xã N, huyện P, mã số thuế 6000952708, do ông Nguyễn Trọng P làm Giám đốc để mua, bán xăng dầu lẻ. Hai bên thống nhất phương thức giao nhận xăng dầu và thanh toán như sau: Công ty T sẽ căn cứ vào “Phiếu cung cấp nhiên liệu” của Công ty P để đổ nhiên liệu cho từng xe, đến cuối tháng hai bên sẽ đối chiếu để lập bảng thống kê thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Ngày 19/8/2015, Đặng Văn K ký hợp đồng số 15A151 với Công ty TNHH một thành viên in A, do ông Võ Anh M làm Giám đốc, trụ sở tại đường H, thành phố B để đặt in 500 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), từ số 0000001 đến số 0000500, mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/15P. Khi việc in hóa đơn kết thúc, hai Công ty tiến hành thanh lý hợp đồng, trước khi sử dụng Đặng Văn K không thông báo phát hành hóa đơn nộp ngân sách nhà nước để gửi đến Chi cục thuế huyện N theo quy định của pháp luật, không gửi mẫu hóa đơn về Chi cục thuế và không niêm yết tại trụ sở làm việc, các địa điểm bán hàng (là các cây xăng).

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán xăng dầu ngày 01/8/2015, từ ngày 21/8/2015 đến 31/10/2015, Công ty T đã bán xăng dầu và xuất 77 hóa đơn GTGT cho Công ty P theo mẫu đặt in ngày 19/8/2015, Công ty P đã đưa vào kê khai thuế 75 hóa đơn (trừ hóa đơn số 0000020 và hóa đơn số 0000038) với tổng số lượng dầu là 72.126 lít. Công ty P đã trả cho Công ty T tổng số tiền hàng và 10% tiền thuế GTGT là 1.005.749.733 đồng. Sau đó Công ty P làm bản kê khai và được Chi cục thuế huyện P khấu trừ 10% thuế GTGT đầu vào với số tiền 91.457.185 đồng. Ngoài ra, từ ngày 01/10/2016 đến ngày 10/10/2016, Đặng Văn K còn xuất 10 hóa đơn GTGT để bán xăng, dầu cho khách hàng lẻ không lấy hóa đơn. Đến ngày 30/3/2017, Đặng Văn K mới lập thông báo về việc phát hành hóa đơn và gửi đến Chi cục thuế huyện N.

Ngày 01/3/2017, Chi cục thuế huyện N tiến hành kiểm tra thuế tại Công ty T đã xác định: Công ty T sử dụng 87 hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu AA/15P từ số 0000001 đến số 0000087, các hóa đơn này đều là hóa đơn bất hợp pháp, do trước khi sử dụng không thông báo phát hành hóa đơn, không gửi mẫu hóa đơn về Chi cục thuế huyện N và không niêm yết hóa đơn tại các cơ sở sử dụng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ số lượng xăng, dầu bán được trong tổng số 87 hóa đơn này, Đặng Văn K không tiến hành kê khai thuế và nộp hồ sơ khai thuế cho Chi cục thuế huyện N theo quy định và trốn thuế tổng số tiền là 98.850.619 đồng.

Ngày 13/11/2017, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định, giám định lại việc đặt in, phát hành, sử dụng 87 hóa đơn của Đặng Văn K. Tại bản kết luận giám định số 3870/CTTTTr ngày 18/12/2017 của Cục thuế tỉnh Đắc Lắc xác

định: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính Phủ quy định về trình tự đặt in hóa đơn; Điều 11 Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính Phủ quy định về phát hành hóa đơn; khoản 2 Điều 1 Nghị định 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định sử dụng hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ; khoản 6 và khoản 8 Điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ, thì Công ty T sử dụng 87 hóa đơn nhưng không thông báo phát hành hóa đơn là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Tại bản Kết luận giám định số 752/PC09 ngày 18/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nội dung liên 2 hóa đơn GTGT ký hiệu từ A1 đến A75 so với nội dung trong các liên 1 và liên 3 hóa đơn GTGT có cùng số trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là có cùng nội dung như nhau. Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người bán hàng” trong các tài liệu giám định ký hiệu từ A1 đến A75 và “Người nhận tiền” trong các tài liệu giám định ký hiệu từ A76 đến A79 so với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn K trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, là do cùng một người viết ra. Chữ ký Đặng Văn T dưới mục “Người nhận tiền” trong các tài liệu yêu cầu giám định ký hiệu A80, A81 so với chữ ký, chữ viết tên Đặng Văn T trong các tài liệu mẫu so sánh M4, M5 là do cùng một người viết ra.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 10 quyển hóa đơn GTGT các số từ 1 đến 10; 75 hóa đơn GTGT; 06 phiếu chi và các quyển phiếu cung cấp nhiên liệu của Công ty P. Cơ quan điều tra đã trả lại 07 quyển hóa đơn từ số 04 đến số 10 cho Chi cục thuế huyện N để xem xét, xử lý.

- Hợp đồng in hóa đơn; Biên bản kiểm tra và đánh giá chất lượng sản phẩm, hủy bản kẽm và các tờ in dư; Biên bản thanh lý hợp đồng; 03 tờ mẫu hóa đơn GTGT; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty T (bản sao chứng thực) và bản phô tô Chứng minh nhân dân của Đặng Văn K, do Công ty A giao nộp.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn K phạm tội “Phát hành trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; khoản 3 Điều 7; các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 35 và khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tuyên phạt bị cáo

Đặng Văn K số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền phạt phải thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2018, bị cáo Đặng Văn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và nhận định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Phát hành trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật, mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù và phạt bổ sung 20.000.000 đồng là thỏa đáng. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có công việc và nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, không chấp nhận kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo một phần do thiếu kiến thức pháp luật. Bị cáo có nhân thân tốt, là người có công với cách mạng, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và áp dụng pháp luật:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ cơ sở kết luận trong các năm 2015 và 2016, Đặng Văn K thực hiện hành vi phát hành 87 hóa đơn GTGT đã ghi nội dung, nhưng không thực hiện nghĩa vụ thông báo việc phát hành và niêm yết tại cơ sở sử dụng hóa đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Đặng Văn K về tội “Phát hành trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo:

- Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt và là người có công với cách mạng (thương binh hạng 4/4), nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo một phần do thiếu kiến thức pháp luật. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo để xem xét giảm một phần hình phạt.

Bên cạnh đó, bị cáo có công việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng, xét toàn diện vụ án Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Đối với kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bổ sung bị cáo Đặng Văn K số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị Nhà nước truy thu thuế và ra quyết định xử phạt, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và tích cực khắc phục hậu quả, nộp tiền thuế và các khoản tiền phạt đầy đủ. Do đó, cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn K – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm d khoản 2 Điều 203; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 47 và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K: **09 (chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, về tội “Phát hành trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”, thời gian thử

thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn K cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đặng Văn K.

[3] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện N;
- THAHS Công an huyện N;
- UBND xã E, huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung